

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**Bản án số: 63/2025/HSST
Ngày: 07/11/2025**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ.

2. Bà Tô Thị Lành.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Ng H T. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 17 tháng 3 năm 1990, tại Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT: Số 114/35 đường TC Tổ 03 phường PĐ, TP.P, tỉnh Gia Lai (nay là phường HP, tỉnh Gia Lai); Chỗ ở: Số 35 đường Ng H H, Tổ 03 phường TS, TP.P, tỉnh Gia Lai (nay là phường P, tỉnh Gia Lai); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Căn cước công dân: 064090013848; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: thợ sửa điện thoại; con ông Ng V B và bà Lê Thị Kiểm (đã chết); Vợ: Đ T H, sinh năm 1997, có 02 người con, sinh năm 2021 và 2022; Tiền án, Tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 15/3/2011, bị Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp T sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), Tại bản án số 53/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 14/6/2011, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 21/11/2012, bị Tòa án nhân dân TP. P, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” (theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 156/HSST.

- Ngày 05/12/2012, bị Tòa án nhân dân TP.P, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù về tội: “*Trộm cắp T sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), Tại bản án số 164/HSST; tổng hợp với số 156/HSST ngày 21/11/2012, buộc chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù; chấp hành án tại Trại giam GT, Bộ Công an. Ngày 03/11/2015, chấp hành xong hình phạt tù.

Các lần bị kết án nêu trên, bị cáo đều đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2025, sau đó bỏ trốn, đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 9456/QĐTN-CSĐT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng:

Người bị hại: ông Ng V S, sinh năm 1995; Địa chỉ: 333 LD, phường AP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đ T H, sinh năm 1997; Địa chỉ: 44 NVT, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ng H T mở cửa hàng sửa chữa điện thoại di động KT, ở số 44 đường NVT, Tổ 04 phường HT, TP. P (cũ), nay là phường P, tỉnh Gia Lai. Tới ngày 21/4/2025, ông Ng V S đến cửa hàng của T để sửa chữa điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max. Sau khi thỏa thuận việc sửa chữa điện thoại, ông S để lại điện thoại kèm theo sim số 0383.991.622 trong điện thoại và cung cấp mật khẩu mở khoá màn hình cho T, để T sửa chữa điện thoại. Rạng sáng ngày 22/4/2025, khi mang điện thoại của ông S về nhà ở số 35 đường Ng H H, Tổ 03 phường TS, TP. P, tỉnh Gia Lai (nay là phường P, tỉnh Gia Lai) để sửa chữa, T nảy sinh ý định tìm hiểu và chiếm đoạt tiền trong T khoản Ngân hàng của ông S. T tháo thẻ sim trong điện thoại của ông S lắp vào điện thoại Iphone 6S của T, rồi lấy điện thoại Samsung A23 của T đăng nhập vào ứng dụng ZaloPay bằng số điện thoại 0383.991.622 của ông S. Khi ứng dụng Zalopay nhắn tin mã OTP (là một dãy ký tự hoặc số, thường là từ 04 đến 06 chữ số, được sử dụng một lần duy nhất để xác thực các giao dịch trực tuyến, được sử dụng trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính) vào số điện thoại 0383.991.622 của ông S, thì T sử dụng mã OTP này đăng nhập vào T khoản ZaloPay của ông S. T phát hiện T khoản ZaloPay của ông S có liên kết với tài khoản số 6200.971.585, được ông S mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng BIDV). T thử chuyển số tiền số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) từ tài khoản ZaloPay của ông S vào tài khoản ZaloPay của T (được đăng ký bằng số điện thoại 0965.924.290), thì tài khoản ZaloPay của T nhận được tiền và không thấy ông S có phản hồi. Biết ông S không phát hiện tiền trong tài khoản Ngân hàng BIDV của mình bị trừ, nên từ ngày 22 đến 27/4/2025 T tiếp tục thực hiện thêm 13 (mười ba) lần chuyển tiền với cách thức như nêu trên, lần ít là 200.000 đồng, lần nhiều nhất là 5.000.000 đồng, chiếm đoạt tổng số tiền 18.400.000 đồng trong tài khoản Ngân hàng BIDV của ông S. Số tiền chiếm đoạt được, T sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến ngày 28/4/2025, ông S phát hiện bị mất tiền trong tài khoản Ngân hàng BIDV, nên đến Công an phường HT, TP. P (nay là Công an phường P, tỉnh Gia Lai) trình báo. Qua kiểm tra, xác minh, Công an phường HT làm việc với T, thì T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi đăng nhập vào tài khoản ZaloPay bằng số điện thoại của ông S, để chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng BIDV của ông S như nêu trên. Sau đó, T tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A23, là công cụ T

đã sử dụng để đăng nhập vào tài khoản ZaloPay của ông S để chiếm đoạt tiền cùng với số tiền 18.400.000 đồng đã chiếm đoạt của ông S cho Công an phường HT; vụ việc sau đó được Công an phường HT chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai giải quyết. Đối với thẻ sim có số thuê bao 0383.991.622 của ông S, T khai sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền thì đã vứt bỏ tại hẻm số 90/55 đường TC, phường Trà Bá, TP. P (nay là phường HP, tỉnh Gia Lai); Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm, nhưng không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 02/CTr-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã truy tố Ng H T về tội “*Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, theo Điểm b Khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 290; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 290; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Ng H T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A23 .

Ý kiến của người tham gia tố tụng:

Người bị hại: anh Ng V S (lời khai tại hồ sơ): anh đã nhận lại T sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu về dân sự và không yêu cầu xử lý bị cáo về trách nhiệm hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đ T H (lời khai tại hồ sơ): Bà là vợ của bị cáo, bà không biết việc bị cáo sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt T sản của anh Ng V S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2025, sau đó bỏ trốn. việc truy nã bị cáo theo Quyết định truy nã số 9456/QĐTN-CSĐT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh Gia Lai đối với bị cáo không có kết quả; Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 290 Bộ Luật hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận bị cáo có hành vi sử dụng điện thoại di động, sử dụng sim số của người khác, đăng nhập bất hợp pháp vào ứng dụng ZaloPay được liên kết với tài khoản Ngân hàng của họ để chiếm đoạt tiền bằng cách chuyển tiền vào tài khoản

ZaloPay của mình. Bị cáo đã 14 lần truy cập vào ứng dụng ZaloPay của bị hại để chuyển tiền, chiếm đoạt số tiền 18.400.000 đồng, hành vi của bị cáo phạm tội: “*Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đối với bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Tài khoản cá nhân và quyền sở hữu tài sản trong tài khoản luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi truy cập bất hợp pháp nhằm chiếm đoạt tài sản đều phải bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật để không chỉ răn đe mà còn phòng ngừa chung đối với tội phạm.

[5]. Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo: Bản thân bị cáo có sức khỏe, đủ nhận thức nhưng vì muốn có tài sản không phải lao động nên phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[6] Tình tiết tăng nặng; Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án về các tội phạm do cố ý, quá trình truy tố, xét xử bỏ trốn, truy nã không có kết quả thể hiện việc bất chấp pháp luật, không có sự ăn năn hối cải, cần quyết định đối với bị cáo mức án nghiêm khắc để bị cáo cải tạo bản thân là cần thiết.

Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đầu thú, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; người bị hại không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự là các tình tiết quy định tại Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cần được áp dụng khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo bỏ trốn, không xác định được thu nhập, không phạt bổ sung.

[7] Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động hiệu Samsung A23, là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công.

Đối với điện thoại di động Iphone 6S bị cáo sử dụng lắp thẻ sim có số thuê bao 0383.991.622 của ông Ng V S vào để nhận mã OTP của ứng dụng ZaloPay, sau đó bị cáo đã bán điện thoại này cho khách hàng (không xác định được họ tên, địa chỉ), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với bà Đ T H: Là vợ của bị cáo, bà H không biết việc bị cáo sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; không xem xét, xử lý đối với bà Huyền về vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ng H T phạm tội “*Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt T sản*”.

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 290; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 290; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

3. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Ng H T **04 (bốn) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

4. *Các vấn đề khác:*

+ Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A23 (điện thoại cũ đã qua sử dụng, Phòng THADS khu vực 7- Gia Lai không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong);

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 11 năm 2025 giữa Công an tỉnh Gia Lai và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Gia Lai.).

- *Về án phí:* Buộc bị cáo Ng H T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 ;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND phường HP, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Vũ Thu Hương